

# Chuẩn mực kế toán

TS. Trần Quang Vũ

**TÀI LIỆU XEM THỬ**

**0913.106015** 

Tài liệu chỉ dùng cho mục đích học tập,  
không kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy

# Các loại chuẩn mực kế toán

## Chuẩn mực kế toán Việt Nam

### Chuẩn mực cơ bản

- 01 - Chuẩn mực chung
- 02 - Hàng tồn kho
- 03 - Tài sản cố định hữu hình
- 05 - Bất động sản đầu tư
- 14 - Doanh thu và thu nhập khác
- 21 - Trình bày BCTC

### Chuẩn mực nâng cao

- 06 - Thuê tài sản
- 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá
- 16 - Chi phí đi vay
- 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp
- 23 - Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán
- 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán, các sai sót

### Chuẩn mực khác

- 04 - TSCĐ vô hình
- 07 - Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết
- 08 - Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh
- 11 - Hợp nhất kinh doanh
- 15 - Hợp đồng xây dựng
- 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng
- 19: Hợp đồng bảo hiểm
- 22: Trình bày bổ sung BCTC
- 28: Báo cáo bộ phận

# Chuẩn mực kế toán

## 01 – Chuẩn mực chung

**TÀI LIỆU XEM THỬ**

**0913.106015** 

Tài liệu chỉ dùng cho mục đích học tập,  
không kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy

# Chuẩn mực số 01 - Chuẩn mực chung

Các nguyên tắc kế toán cơ bản

Các yêu cầu cơ bản đối với kế toán

Các yếu tố của BCTC

Ghi nhận các yếu tố của BCTC



TÀI LIỆU XEM THỬ

0913.106015

Tài liệu chỉ dùng cho mục đích học tập,  
không kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy

# Các nguyên tắc kế toán cơ bản

1. Cơ sở dồn tích

2. Hoạt động liên tục

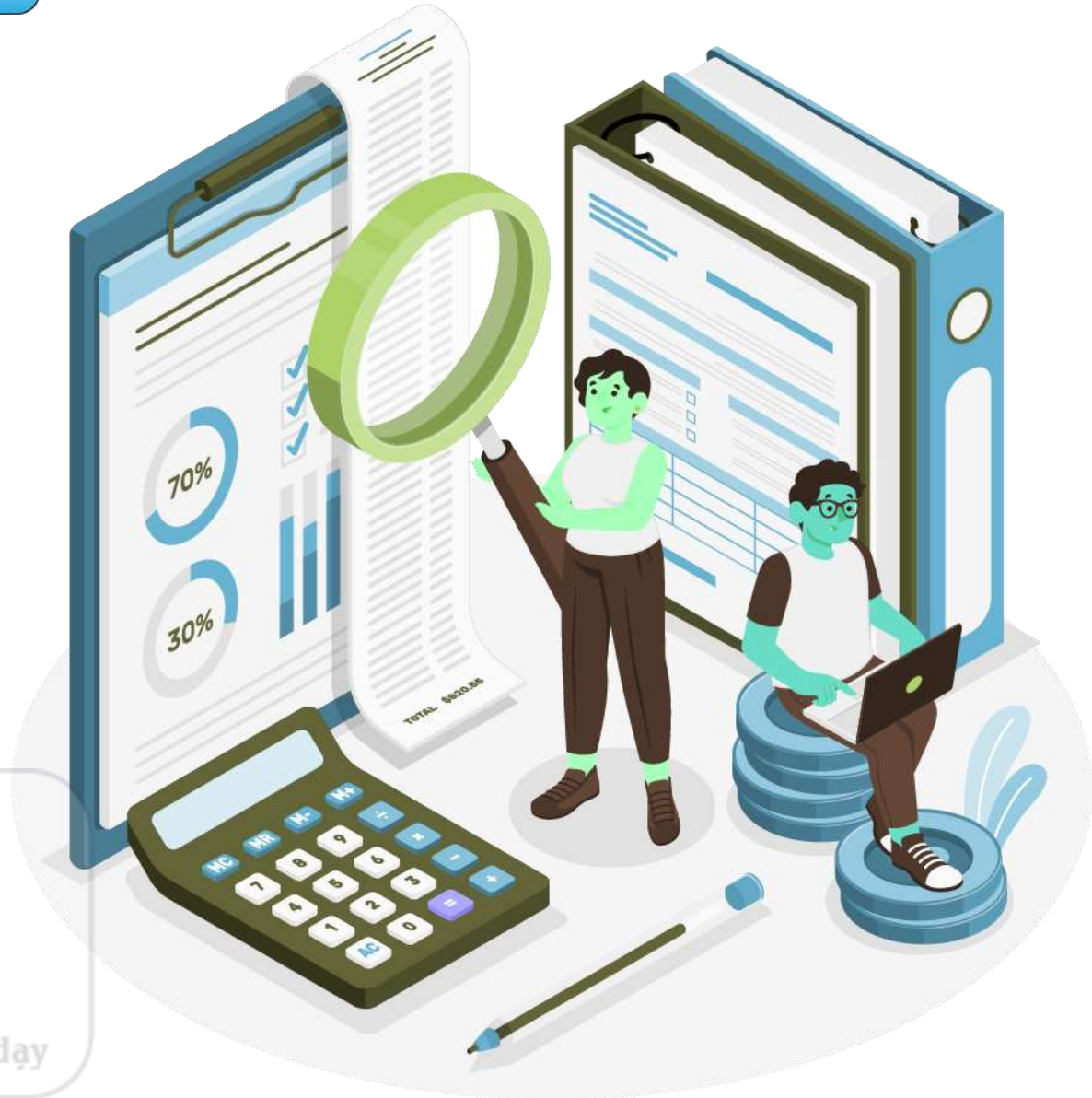
3. Giá gốc

4. Phù hợp

5. Nhất quán

6. Thận trọng

7. Trọng yếu



Tài liệu chỉ dùng cho mục đích học tập,  
không kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy

# Các nguyên tắc kế toán cơ bản

1. Cơ sở dồn tích

2. Hoạt động liên tục

3. Giá gốc

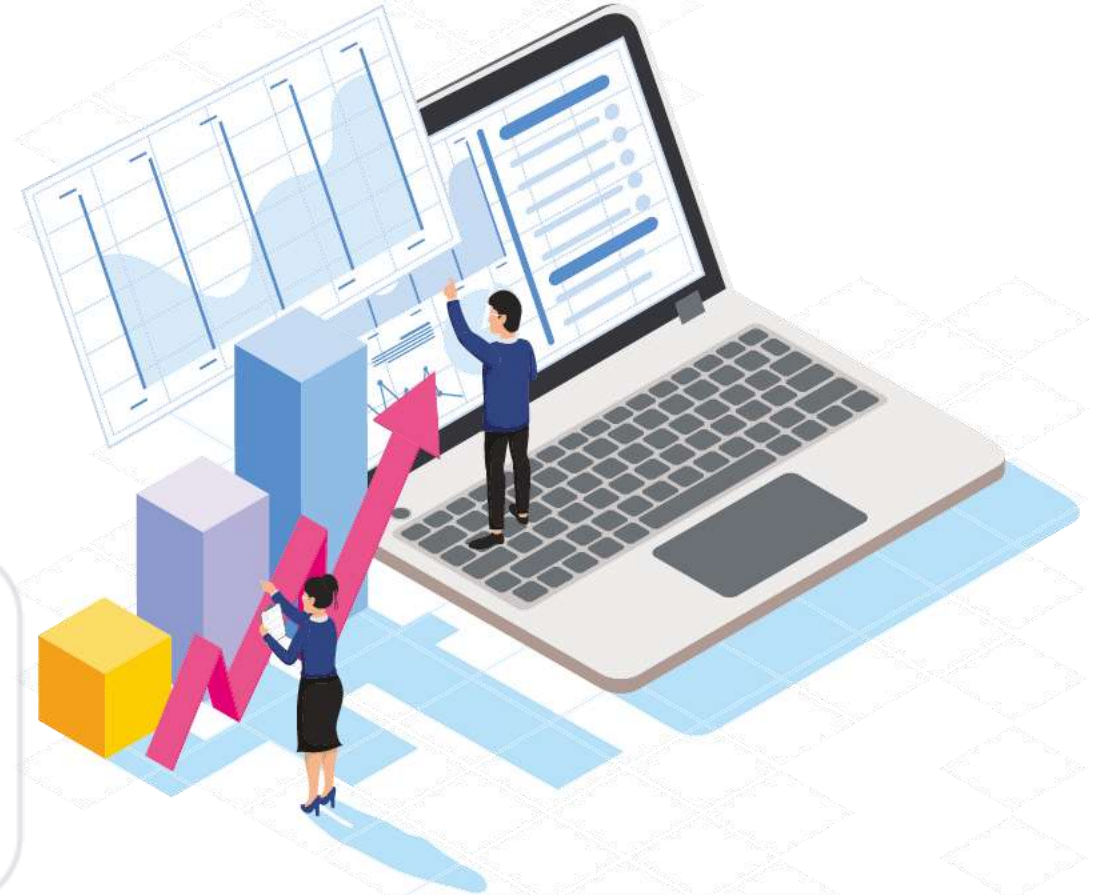
4. Phù hợp

5. Nhất quán

6. Thận trọng

7. Trọng yếu

Mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính của doanh nghiệp phải được ghi sổ kế toán vào thời **điểm phát sinh**, không căn cứ vào thời điểm thực tế thu hoặc chi tiền



TÀI LIỆU XEM THỬ  
0913.106015  
Tài liệu chỉ dùng cho mục đích học tập,  
không kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy

## Các nguyên tắc kế toán cơ bản

1. Cơ sở dồn tích

2. Hoạt động liên tục

3. Giá gốc

4. Phù hợp

5. Nhất quán

6. Thận trọng

7. Trọng yếu

Báo cáo tài chính phải được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.



Tài liệu chỉ dùng cho mục đích học tập,  
không kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy

## Các nguyên tắc kế toán cơ bản

1. Cơ sở dồn tích

2. Hoạt động liên tục

3. Giá gốc

4. Phù hợp

5. Nhất quán

6. Thận trọng

7. Trọng yếu

Tài sản phải được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc được tính theo số tiền hoặc khoản tương đương tiền đã trả, phải trả hoặc tính theo giá trị hợp lý của tài sản đó vào thời điểm tài sản được ghi nhận.





## Các nguyên tắc kế toán cơ bản

1. Cơ sở dồn tích

2. Hoạt động liên tục

3. Giá gốc

4. Phù hợp

5. Nhất quán

6. Thận trọng

7. Trọng yếu

Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.



=



# Các nguyên tắc kế toán cơ bản

1. Cơ sở dồn tích

2. Hoạt động liên tục

3. Giá gốc

4. Phù hợp

**5. Nhất quán**

6. Thận trọng

7. Trọng yếu

Các chính sách và phương pháp kế toán doanh nghiệp đã chọn phải được áp dụng thống nhất ít nhất trong một kỳ kế toán năm.



Tài liệu chỉ dùng cho mục đích học tập,  
không kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy

## Các nguyên tắc kế toán cơ bản

1. Cơ sở dồn tích

2. Hoạt động liên tục

3. Giá gốc

4. Phù hợp

5. Nhất quán

**6. Thận trọng**

7. Trọng yếu

Thận trọng là việc xem xét, cân nhắc, phán đoán cần thiết để lập các ước tính kế toán trong các điều kiện không chắc chắn.



## Các nguyên tắc kế toán cơ bản

1. Cơ sở dồn tích

2. Hoạt động liên tục

3. Giá gốc

4. Phù hợp

5. Nhất quán

6. Thận trọng

7. Trọng yếu

Thông tin được coi là trọng yếu trong trường hợp nếu thiếu thông tin hoặc thiếu chính xác của thông tin đó có thể làm sai lệch đáng kể báo cáo tài chính, làm ảnh hưởng đến quyết định kinh tế của người sử dụng báo cáo tài chính.



## Các yêu cầu cơ bản đối với kế toán

1. Trung thực

2. Khách quan

3. Đầy đủ

4. Kịp thời

5. Dễ hiểu

6. Có thể so sánh



TÀI LIỆU XEM THỬ

0913.106015

Tài liệu chỉ dùng cho mục đích học tập,  
không kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy

# Các yêu cầu cơ bản đối với kế toán

1. Trung thực

2. Khách quan

3. Đầy đủ

4. Kịp thời

5. Dễ hiểu

6. Có thể so sánh

Các thông tin và số liệu kế toán phải được ghi chép và báo cáo trên cơ sở các bằng chứng đầy đủ, khách quan và đúng với thực tế về hiện trạng, bản chất nội dung và giá trị của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



TÀI LIỆU XEM THỬ

0913.106015

Tài liệu chỉ dùng cho mục đích học tập,  
không kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy

## Các yêu cầu cơ bản đối với kế toán

1. Trung thực

2. Khách quan

3. Đầy đủ

4. Kịp thời

5. Dễ hiểu

6. Có thể so sánh

Các thông tin và số liệu kế toán phải được ghi chép và báo cáo đúng với thực tế, không bị xuyên tạc, không bị bóp méo.



TÀI LIỆU XEM THỬ

0913.106015

Tài liệu chỉ dùng cho mục đích học tập,  
không kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy

## Các yêu cầu cơ bản đối với kế toán

1. Trung thực

2. Khách quan

3. Đầy đủ

4. Kịp thời

5. Dễ hiểu

6. Có thể so sánh

Mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan đến kỳ kế toán phải được ghi chép và báo cáo đầy đủ, không bị bỏ sót.



TÀI LIỆU XEM THỬ

0913.106015

Tài liệu chỉ dùng cho mục đích học tập,  
không kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy



## Các yêu cầu cơ bản đối với kế toán

1. Trung thực

2. Khách quan

3. Đầy đủ

4. Kịp thời

5. Dễ hiểu

6. Có thể so sánh

Các thông tin và số liệu kế toán phải được ghi chép và báo cáo kịp thời, đúng hoặc trước thời hạn quy định, không được chậm trễ.



TÀI LIỆU XEM THỬ

0913.106015

Tài liệu chỉ dùng cho mục đích học tập,  
không kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy

## Các yêu cầu cơ bản đối với kế toán

1. Trung thực

2. Khách quan

3. Đầy đủ

4. Kịp thời

5. Dễ hiểu

6. Có thể so sánh

Các thông tin và số liệu kế toán trình bày trong báo cáo tài chính phải rõ ràng, dễ hiểu đối với người sử dụng.

Thông tin về những vấn đề phức tạp trong báo cáo tài chính phải được giải trình trong phần thuyết minh.



TÀI LIỆU XEM THỬ

0913.106015

Tài liệu chỉ dùng cho mục đích học tập,  
không kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy

## Các yêu cầu cơ bản đối với kế toán

1. Trung thực

2. Khách quan

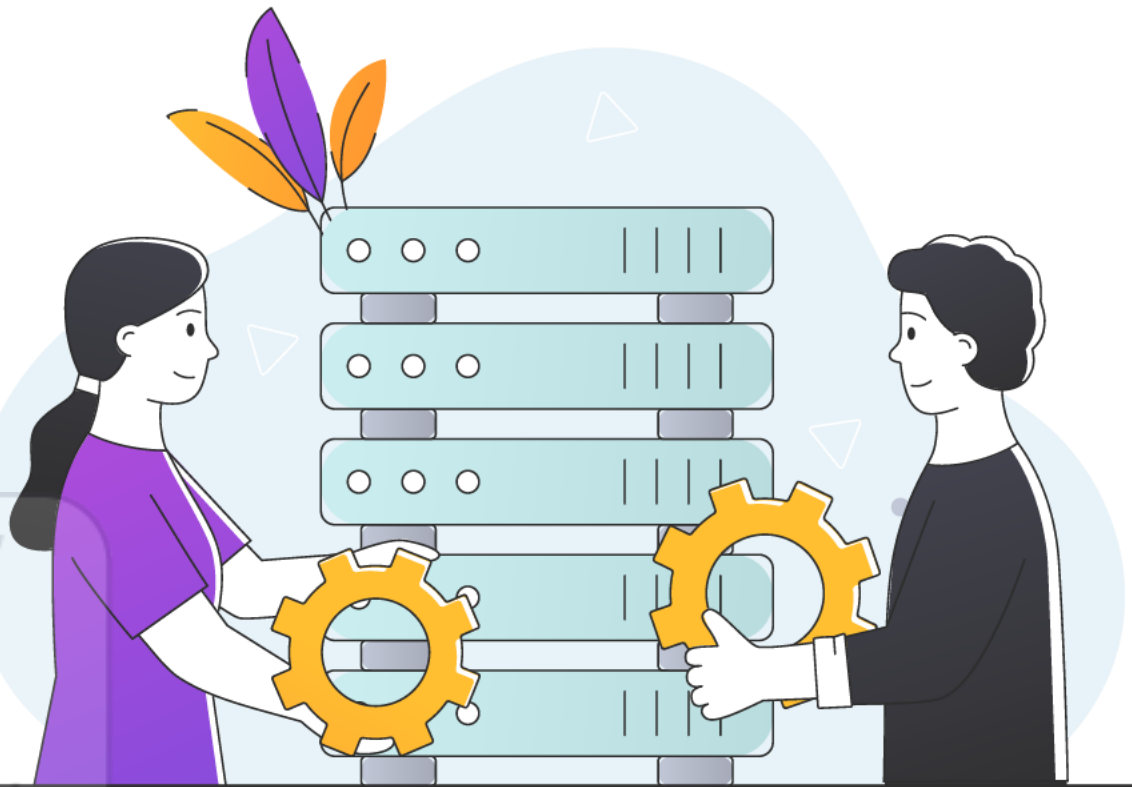
3. Đầy đủ

4. Kịp thời

5. Dễ hiểu

6. Có thể so sánh

Các thông tin và số liệu kế toán giữa các kỳ kế toán trong một doanh nghiệp và giữa các doanh nghiệp chỉ có thể so sánh được khi tính toán và trình bày nhất quán.



TÀI LIỆU XEM THỬ

0913.106015

Tài liệu chỉ dùng cho mục đích học tập,  
không kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy

# Các yếu tố của báo cáo tài chính

## 1. Tình hình tài chính

1.1. Tài sản

1.2. Nợ phải trả

1.3. Vốn chủ sở hữu

## 2. Tình hình kinh doanh

2.1. Doanh thu và TN khác

2.2. Chi phí

2.3. Kết quả kinh doanh



# Các yếu tố của báo cáo tài chính

## 1. Tình hình tài chính

### 1.1. Tài sản

### 1.2. Nợ phải trả

### 1.3. Vốn chủ sở hữu

## 2. Tình hình kinh doanh

### 2.1. Doanh thu và TN khác

### 2.2. Chi phí

### 2.3. Kết quả kinh doanh

Tài sản: Là nguồn lực do doanh nghiệp kiểm soát và có thể thu được lợi ích kinh tế trong tương lai.



# Các yếu tố của báo cáo tài chính

## 1. Tình hình tài chính

1.1. Tài sản

1.2. Nợ phải trả

1.3. Vốn chủ sở hữu

## 2. Tình hình kinh doanh

2.1. Doanh thu và TN khác

2.2. Chi phí

2.3. Kết quả kinh doanh

**Nợ phải trả:** Là nghĩa vụ hiện tại của doanh nghiệp phát sinh từ các giao dịch và sự kiện đã qua mà doanh nghiệp phải thanh toán từ các nguồn lực của mình.



Tài liệu chỉ dùng cho mục đích học tập,  
không kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy

# Các yếu tố của báo cáo tài chính

## 1. Tình hình tài chính

1.1. Tài sản

1.2. Nợ phải trả

1.3. **Vốn chủ sở hữu**

## 2. Tình hình kinh doanh

2.1. Doanh thu và TN khác

2.2. Chi phí

2.3. Kết quả kinh doanh

Vốn chủ sở hữu: Là giá trị vốn của doanh nghiệp, được tính bằng số chênh lệch giữa giá trị Tài sản của doanh nghiệp trừ (-) Nợ phải trả.



# Các yếu tố của báo cáo tài chính

## 1. Tình hình tài chính

1.1. Tài sản

1.2. Nợ phải trả

1.3. Vốn chủ sở hữu

## 2. Tình hình kinh doanh

2.1. Doanh thu và TN khác

2.2. Chi phí

2.3. Kết quả kinh doanh

Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu





# Các yếu tố của báo cáo tài chính

## 1. Tình hình tài chính

1.1. Tài sản

1.2. Nợ phải trả

1.3. Vốn chủ sở hữu

## 2. Tình hình kinh doanh

2.1. Doanh thu và TN khác

2.2. Chi phí

2.3. Kết quả kinh doanh

Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu



## Ghi nhận các yếu tố của BCTC

BCTC phải ghi nhận các yếu tố về tình hình tài chính và tình hình kinh doanh của doanh nghiệp; các yếu tố đó phải được ghi nhận theo từng khoản mục.

Một khoản mục được ghi nhận trong BCTC khi thoả mãn cả hai tiêu chuẩn:

① **Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế hoặc làm giảm lợi ích kinh tế trong tương lai**

② **Khoản mục đó có giá trị và xác định được giá trị một cách đáng tin cậy**



Tài liệu chỉ dùng cho mục đích học tập,  
không kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy



# Ghi nhận các yếu tố của BCTC

## a) Ghi nhận tài sản

Tài sản được ghi nhận trong Bảng CĐKT khi DN có khả năng chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai và giá trị của tài sản đó được xác định một cách đáng tin cậy.

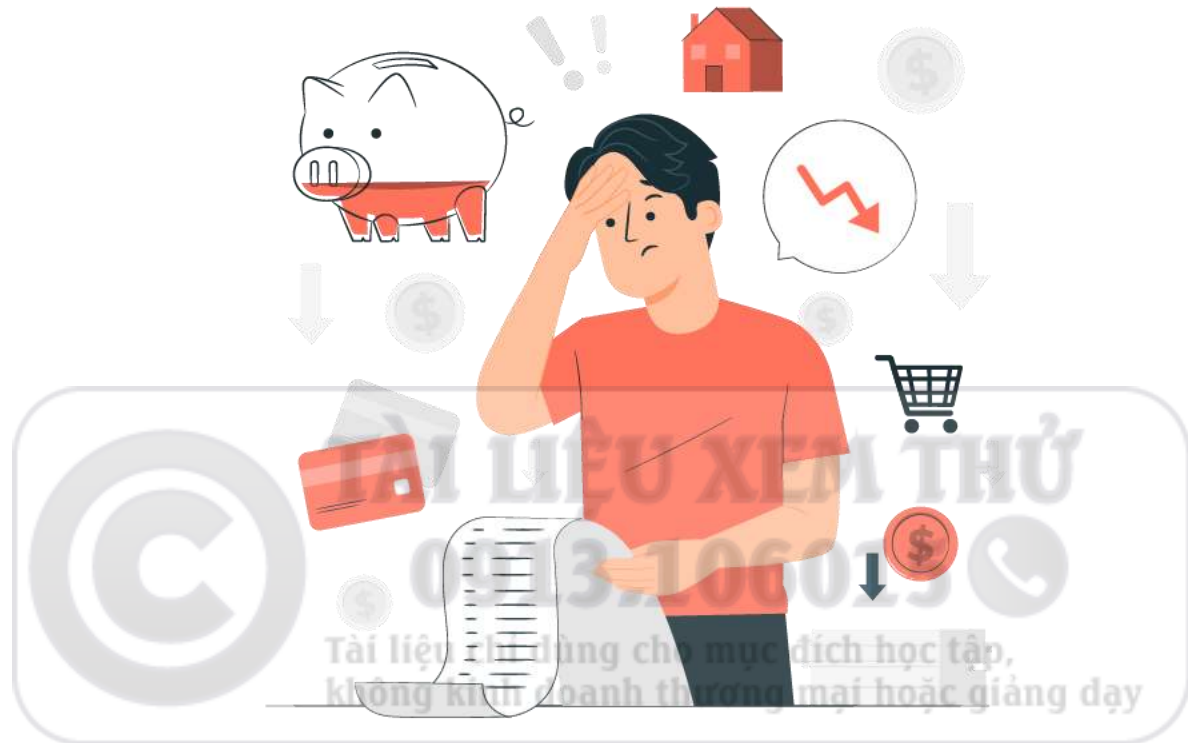


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>43.359.007.145.864</b>	<b>44.577.607.228.189</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>2.781.240.200.379</b>	<b>5.061.020.547.422</b>
111	1. Tiền		2.681.240.200.379	3.846.020.547.422
112	2. Các khoản tương đương tiền		100.000.000.000	1.215.000.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>17.028.152.930.606</b>	<b>10.069.249.605.640</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	17.028.152.930.606	10.069.249.605.640
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.916.483.442.480</b>	<b>3.000.817.466.182</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	113.839.506.188	178.061.365.251
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	317.182.014.758	403.669.438.496
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	16.917.697.638	16.917.697.638
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.468.544.223.896	2.402.168.964.797
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>20.957.418.654.686</b>	<b>25.696.077.735.282</b>
141	1. Hàng tồn kho		21.267.470.463.002	26.058.131.396.686
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(310.051.808.316)	(362.053.661.404)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>675.711.917.713</b>	<b>750.441.873.663</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	506.611.286.928	585.060.213.333
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		140.646.857.659	156.743.753.740
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		28.453.773.126	28.637.906.590
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>10.560.009.308.621</b>	<b>11.256.488.385.860</b>
210	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>502.576.667.332</b>	<b>503.486.573.563</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		9.744.723.329	9.744.723.329
216	2. Phải thu dài hạn khác	12	492.831.944.003	493.741.850.234

# Ghi nhận các yếu tố của BCTC

## b) Ghi nhận nợ phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận trong Bảng CĐKT khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại mà doanh nghiệp phải thanh toán, và khoản nợ phải trả đó phải xác định được một cách đáng tin cậy.

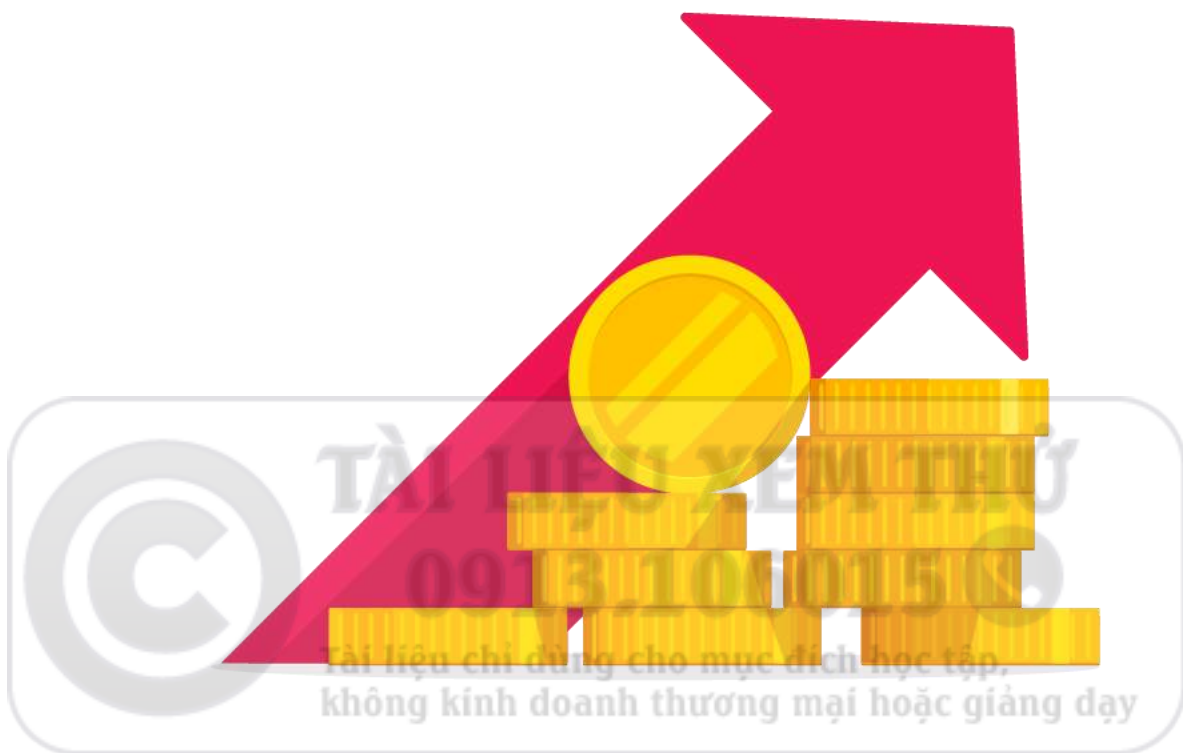


Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>29.965.599.051.004</b>	<b>31.901.514.096.473</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>24.064.349.051.004</b>	<b>26.000.264.096.473</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	7.468.737.892.978	8.745.827.331.813
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		73.547.466.237	97.659.957.856
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	317.843.983.505	764.244.077.963
314	4. Phải trả người lao động		291.852.848.029	475.431.939.590
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	1.256.115.802.145	2.180.365.916.409
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.217.774.792	386.943.692
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	3.265.665.999.706	2.971.948.189.708
320	8. Vay ngắn hạn	22	11.313.106.175.626	10.688.138.631.456
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		76.261.107.986	76.261.107.986
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>5.901.250.000.000</b>	<b>5.901.250.000.000</b>
338	1. Vay dài hạn	22	5.901.250.000.000	5.901.250.000.000

# Ghi nhận các yếu tố của BCTC

## c) Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu và thu nhập khác được ghi nhận trong Báo cáo KQHĐKD khi thu được lợi ích kinh tế trong tương lai có liên quan tới sự gia tăng về tài sản hoặc giảm bớt nợ phải trả và giá trị gia tăng đó phải xác định được một cách đáng tin cậy



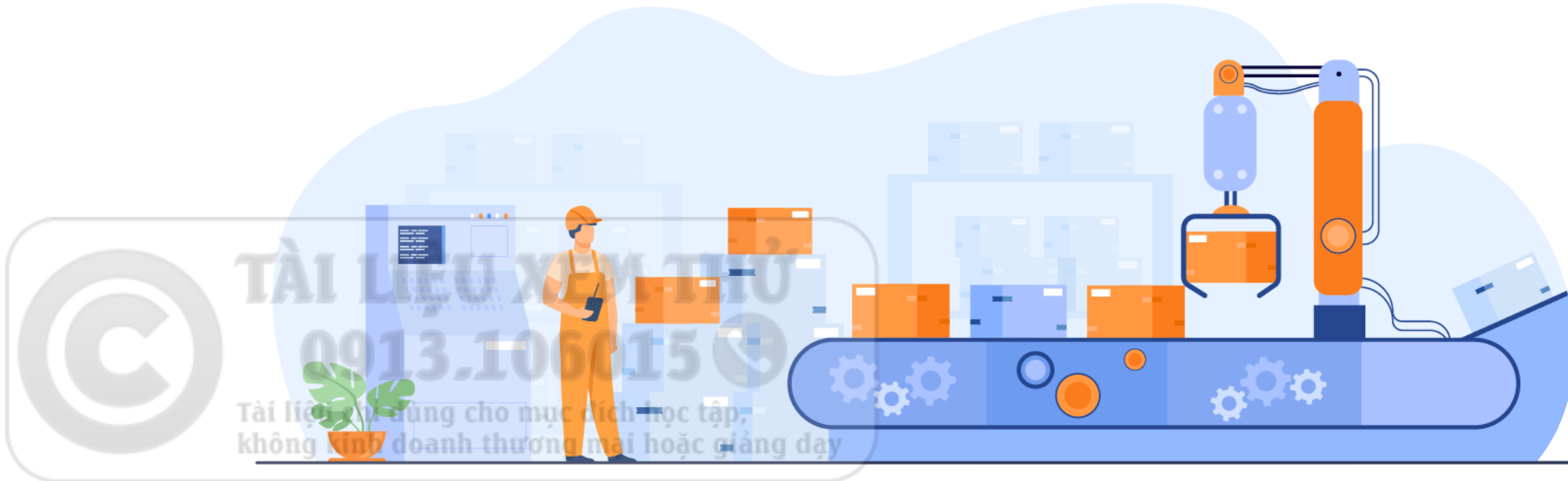
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	27.335.086.613.676	36.819.173.885.619
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(229.274.591.227)	(352.497.266.969)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	27.105.812.022.449	36.466.676.618.650
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(21.891.312.170.662)	(28.342.412.527.151)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.214.499.851.787	8.124.264.091.499
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	359.084.893.949	354.859.205.630
22	7. Chi phí tài chính	25	(295.779.227.945)	(206.279.128.125)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(295.778.726.706)	(200.473.736.724)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	26	(4.784.685.911.213)	(5.036.030.591.147)

# Ghi nhận các yếu tố của BCTC

## *d) Ghi nhận chi phí*

Chi phí sản xuất, kinh doanh và chi phí khác được ghi nhận trong Báo cáo KQHĐKD khi các khoản chi phí này làm giảm bớt tài sản hoặc tăng nợ phải trả và chi phí này phải xác định được một cách đáng tin cậy.

Các chi phí được ghi nhận trong Báo cáo KQHĐKD phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.



# Cảm ơn!

**TÀI LIỆU XEM THỬ**

**0913.106015** 

Tài liệu chỉ dùng cho mục đích học tập,  
không kinh doanh thương mại hoặc giảng dạy